TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BM** **TỈNH VL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:43/2022/HNGĐ-ST
Ngày:28/6/2022
"V/v Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL

- Với thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N T L T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông L P H;

Ông S M.

- Thư ký phiên tòa: Bà B T H T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐST/HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị T K Đ, sinh năm 1992 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Số 100/5, tổ 11, khu vực Thới Ninh, phường Thới An Đông, quận BT, thành phố CT.

- *Bị đơn:* Anh N V K, sinh năm 1990 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 9, khóm 3, phường T P, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2022 và đơn xin vắng mặt đề ngày 12 tháng 5 năm 2022 của nguyên đơn chị T K Đ trình bày:* Vào tháng 5 năm 2018, chị T K Đ và anh N V K quen biết sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn số: 20 ngày 11 tháng 5

năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường T P, thị xã BM, tỉnh VL. Trong quá trình chung sống giữa chị T K Đ và anh N V K không có con chung, không tạo lập tài sản chung và không có nợ chung.

Chị T K Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất Đ quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, Đ thời vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nay chị T K Đ nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị Đ và anh K không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã BM giải quyết các vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn anh N V K, Địa chỉ: Tổ 9, khóm 3, phường T P, thị xã BM, tỉnh VL;

+ Về con chung: Không có;

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ở xa không đến theo giấy triệu tập của Tòa án được nên chị Đ xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm, Đ thời chị Đ cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

* Tòa án triệu tập tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 12 tháng 5 năm 2022 và ngày 27 tháng 5 năm 2022 nhưng anh K vắng mặt không lý do

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Xin vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn có đăng ký thường trú tại thị xã BM (Theo xác nhận đề ngày 11/3/2022 của Công an phường T P), nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị T K Đ có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt nên phiên Tòa hôn nhân sơ thẩm được tiến hành vào ngày 13/6/2022 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh N V K được Tòa án triệu tập tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 12 tháng 5 năm 2022 và ngày 27 tháng 5 năm 2022 nhưng anh K vắng mặt không lý do. Anh N V K được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa hôn nhân sơ thẩm lần 1 vào ngày 13 tháng 6

năm 2022 nhưng anh K vắng mặt không có lý do nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST/HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022 và ấn định ngày mở phiên tòa lần 2 vào ngày 28 tháng 6 năm 2022 nhưng anh N V K vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nên phiên Tòa hôn nhân sơ thẩm được tiến hành vào ngày 28 tháng 6 năm 2022 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị T K Đ và anh N V K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị T K Đ và anh N V K đã xảy ra sự việc vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cự cãi làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội Đ xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T K Đ là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 9 và Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có;

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T K Đ và anh N V K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội Đ xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị T K Đ là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 Đ (*Ba trăm nghìn Đ*) án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 39, 177 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 19, 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T K Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T K Đ được ly hôn với anh N V K.

2. Về con chung: Không có;

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị T K Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 Đ (*Ba trăm nghìn Đ*). Chị T K Đ được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0012564, ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị T K Đ đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Ủy ban nhân dân phường T P: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

N T L T